TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8** **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **49**/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 28/8/2026
Về việc "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8, TỈNH QUẢNG TRỊ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên phiên: Bà Nguyễn Thị Thu Phượng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Mỵ và bà Nguyễn Thị Mỹ Duyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thúy Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 8, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 249/2026/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2026 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/8/2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Hoàng Thị V**, sinh năm: 1979;

Địa chỉ: thôn Q, xã G, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

Bị đơn: **Anh Lê Đình Q**, sinh năm: 1973;

Địa chỉ: thôn H, xã G, tỉnh Quảng Trị, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 7 năm 2026, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Hoàng Thị V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị V và anh Lê Đình Q tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (*Sau đây viết tắt là* UBND) xã G, tỉnh Quảng Trị (trước đây là xã C, huyện G, tỉnh Quảng Trị) vào ngày 17/12/2024. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong vấn đề kinh tế gia đình, anh Q xúc phạm chị V và đe dọa sử dụng bạo lực, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Chị V nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, chị Hoàng Thị V yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh Lê Đình Q.

Về con chung: Chị Hoàng Thị V và anh Lê Đình Q có 02 con chung là cháu Lê Thị Thu H, sinh ngày 02/7/2001 và cháu Lê Hoàng P, sinh ngày 06/01/2008. Hiện nay

các cháu đã thành niên và có khả năng lao động nên chị Hoàng Thị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Hoàng Thị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Tại Bản trình bày ý kiến ngày 10/7/2026 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Đình Q trình bày*:**

Về quan hệ hôn nhân: Qúa trình kết hôn và nội dung mâu thuẫn vợ chồng như chị Hoàng Thị V trình bày là đúng. Tuy nhiên, anh Quảng cho rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng chỉ là chuyện nhỏ nhặt, do vợ chồng không hiểu nhau. Qua quá trình hòa giải, làm việc tại Tòa án anh Quảng đã nhận ra được những lỗi sai của mình và cam kết sẽ khắc phục, sửa chữa, anh Quảng mong muốn đoàn tụ vợ chồng để cùng nhau nuôi dạy con cái.

Về con chung: Anh Lê Đình Q và chị Hoàng Thị V có 02 con chung là cháu Lê Thị Thu H, sinh ngày 02/7/2001 và cháu Lê Hoàng P, sinh ngày 06/01/2008. Hiện nay các cháu đã thành niên và có khả năng lao động nên anh Quảng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh Lê Đình Q không yêu cầu Tòa án giải quyết

Phát biểu của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- *Về thủ tục tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (*Sau đây viết tắt là* BLTTDS). Đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có mặt, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 BLTTDS, đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử cho chị Hoàng Thị V được ly hôn anh Lê Đình Q.

+ Về con chung: Các cháu Lê Thị Thu H, sinh ngày 02/7/2001 và cháu Lê Hoàng P, sinh ngày 06/01/2008, hiện nay các cháu đã thành niên và có khả năng lao động, các đương sự không có yêu cầu nên đề nghị Tòa án không xem xét.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên đề nghị Tòa án không xem xét.

+ Về án phí: Chị Hoàng Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Hoàng Thị V có đơn xin ly hôn đối với anh Lê Đình Q, cư trú tại thôn Hà Thượng, xã Gio Linh, tỉnh Quảng Trị. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8, tỉnh Quảng Trị theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội và Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

[1.2] Về xét xử vắng mặt đương sự tại phiên tòa: Bị đơn anh Lê Đình Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Thị V:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị V và anh Lê Đình Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện G, tỉnh Quảng Trị vào ngày 17/12/2024 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 33 của UBND xã C, huyện G, tỉnh Quảng Trị, nay là UBND xã G, tỉnh Quảng Trị. Do đó, có căn cứ xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo trình bày của các đương sự và kết quả xác minh tại địa phương thì trước đây chị V, anh Q đã từng kết hôn và ly hôn, đến ngày 17/12/2024 vợ chồng quay trở lại với nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã C. Sau khi tái hợp hôn nhân, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì lại phát sinh mâu thuẫn liên quan đến vấn đề kinh tế và quan điểm sống, thiếu tôn trọng nhau. Chị V cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên kiên quyết yêu cầu giải quyết ly hôn, anh Q thừa nhận mâu thuẫn và mong muốn đoàn tụ gia đình. Tòa án đã tổ chức hòa giải nhiều lần, tạo điều kiện để hai bên hàn gắn tình cảm nhưng không đạt được đồng thuận.

Thấy rằng hôn nhân phải được xây dựng và duy trì trên cơ sở sự tự nguyện của cả hai bên. Anh Q tuy có nguyện vọng đoàn tụ vợ chồng nhưng không có giải pháp khắc phục mâu thuẫn, không nỗ lực cải thiện tình trạng hôn nhân. Chị V không thay đổi ý kiến, sau phiên hòa giải tại Tòa đã chủ động dọn về sống ở nhà ngoại.

Như vậy, có đủ cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh Q không thể hàn gắn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, chị V xin ly hôn là có căn cứ. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Hoàng Thị V được ly hôn anh Lê Đình Q là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh Lê Đình Q và chị Hoàng Thị V có 02 con chung là các cháu Lê Thị Thu H, sinh ngày 02/7/2001 và Lê Hoàng P, sinh ngày 06/01/2008, xét thấy các cháu hiện đều đã thành niên và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân, các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Hoàng Thị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Hoàng Thị V ly hôn anh Lê Đình Q (*Giấy chứng nhận kết hôn số 33 ngày 17/12/2024 của UBND xã C, huyện G, tỉnh Quảng Trị chấm dứt hiệu lực pháp luật*).

2. Về con chung: Các cháu Lê Thị Thu H, sinh ngày 02/7/2001 và Lê Hoàng P, sinh ngày 06/01/2008, hiện đều đã thành niên và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân, các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Hoàng Thị V phải chịu phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/26E số 0000137 ngày 09/7/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị. Chị Hoàng Thị V đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND khu vực 8, Quảng Trị;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- UBND xã G, QT;
- Các đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Thị Thu Phượng